



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG**



an independent member of
**BAKER TILLY
INTERNATIONAL**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp ngày 31 tháng 12 năm 2013	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	14 - 40
8. Phụ lục	41 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304075529, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 23 tháng 02 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Danh sách cổ đông sáng lập	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	28.000.000.000	20,74
Ông Nguyễn Bình Đông	10.000.000.000	7,41
Công ty cổ phần Vĩnh Tường	5.000.000.000	3,70
Các cổ đông khác	187.000.000.000	68,15
Cộng	230.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-8) 38 622 501

Fax : (84-8) 38 622 974

Mã số thuế : 0304075529

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Lô 48, khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.
Chi nhánh Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường tại Cần Thơ	Số 150, đường 3/2, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
Chi nhánh 3 Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Số 149 Hoàng Văn Thụ, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh 6 Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Số C12/3 Quốc lộ 1A, ấp 3, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh 5 Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Số 39 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh 2 Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Số C4/16 Phạm Hùng, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Số 333 Tô Hiến Thành, phường 13, quận 10, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh 7 Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Số 656 Quốc lộ 1A, khu phố 6, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh 4 Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Số 86 Kinh Dương Vương, phường 13, quận 6, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường tại Đà Nẵng	Khu B4, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.
Văn phòng đại diện Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Tầng 2, cao ốc IPC, số 1489 Nguyễn Văn Linh, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh.
Văn phòng đại diện Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	P1402, tầng 14, tòa nhà LILAMA 10, đường Lê Văn Lương kéo dài, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội.
Văn phòng đại diện Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường tại Cần Thơ	71A đường 3/2, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là sản xuất máy móc thiết bị ngành cơ khí (trừ máy kéo, phương tiện cơ giới và không sản xuất tại trụ sở); sản xuất vật liệu xây dựng (trừ xi măng, clinke, sắt, thép); xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; trang trí nội thất; mua bán thiết bị ngành cơ khí (trừ máy kéo, phương tiện cơ giới và không sản xuất tại trụ sở); giáo dục nghề nghiệp; mua bán vật liệu xây dựng (trừ xi măng, clinke, sắt, thép); trang trí tấm thạch cao và tấm xi măng sợi xenlulô.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Chi phí tài chính giảm là do khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty con – Công ty cổ phần Hiệp Phú là nguyên nhân chủ yếu làm cho lợi nhuận năm nay tăng đáng kể so với năm trước.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 42).

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 27 tháng 4 năm 2013 và tạm ứng cổ tức đợt 01 năm 2013 như sau:

– Trích quỹ dự phòng tài chính	2.569.555.251 VND
– Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	8.178.152.686 VND
– Trích quỹ khen thưởng Ban Tổng Giám đốc	1.869.555.251 VND
– Chia cổ tức đợt 02 năm 2012	18.400.000.000 VND
– Tạm ứng cổ tức đợt 01 năm 2013	18.400.000.000 VND
Cộng	49.417.263.188 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Chủ tịch	26 tháng 4 năm 2008	-
Ông Craig Stephen Chambers	Phó Chủ tịch	21 tháng 4 năm 2012	27 tháng 4 năm 2013
Ông Olivier de Bayser	Phó Chủ tịch	27 tháng 4 năm 2013	-
Ông Đoàn Hồng Dũng	Thành viên	11 tháng 4 năm 2009	-
Ông Nguyễn Bình Đông	Thành viên	11 tháng 4 năm 2009	-
Bà Phan Thị Lượng	Thành viên	25 tháng 2 năm 2006	-
Ông Trần Đức Huy	Thành viên	11 tháng 4 năm 2009	-
Ông Lưu Đức Khánh	Thành viên	15 tháng 5 năm 2009	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hoàng Chân	Thành viên	29 tháng 3 năm 2008	-
Ông Nguyễn Đức Bình	Thành viên	26 tháng 4 năm 2008	-
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên	29 tháng 4 năm 2011	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Đức Huy	Tổng Giám đốc	02 tháng 1 năm 2009	-
Ông Đặng Minh Phương	Phó Tổng Giám đốc	11 tháng 7 năm 2009	-
Ông Nguyễn Trường Hải	Phó Tổng Giám đốc	05 tháng 7 năm 2010	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

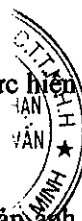
Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Trần Đức Huy
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2014





**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Vo St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang: 18 Trần Khánh Dư St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Quê St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 0392/2014/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường, được lập ngày 16 tháng 02 năm 2014, từ trang 07 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Bùi Văn Khoa - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0197-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		548.951.738.805	439.275.158.470
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	43.476.709.869	43.390.041.016
1. Tiền	111		43.476.709.869	43.390.041.016
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		61.000.000.000	51.939.458.500
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	61.000.000.000	51.939.458.500
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		206.595.291.858	178.398.469.566
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	176.720.221.370	159.943.098.915
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	6.366.282.818	2.015.314.609
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	31.806.399.061	21.284.761.113
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(8.297.611.391)	(4.844.705.071)
IV. Hàng tồn kho	140		235.001.047.420	162.930.806.021
1. Hàng tồn kho	141	V.7	244.636.842.081	172.160.095.142
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(9.635.794.661)	(9.229.289.121)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.878.689.658	2.616.383.367
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	45.454.032	940.407.993
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.23	793.794.115	16.600.750
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		114.612.172	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	1.924.829.339	1.659.374.624

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TUỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		214.937.413.948	184.599.130.658
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		91.070.657.089	68.180.419.787
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	44.782.446.833	44.862.761.236
<i>Nguyên giá</i>	222		108.423.207.706	101.119.500.392
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(63.640.760.873)	(56.256.739.156)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	21.652.465.693	22.166.667.244
<i>Nguyên giá</i>	228		37.440.752.373	35.828.911.269
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(15.788.286.680)	(13.662.244.025)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	24.635.744.563	1.150.991.307
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		119.483.879.729	109.421.391.618
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	135.122.010.000	135.122.010.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	2.796.800.000	2.796.800.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.16	(18.434.930.271)	(28.497.418.382)
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.382.877.130	6.997.319.253
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	2.952.073.330	3.201.258.681
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.18	-	2.354.180.772
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.19	1.430.803.800	1.441.879.800
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		763.889.152.753	623.874.289.128

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		374.805.782.744	264.425.033.109
I. Nợ ngắn hạn	310		374.458.235.344	263.992.079.709
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.20	148.720.400.147	130.826.920.901
2. Phải trả người bán	312	V.21	126.361.571.655	75.868.540.775
3. Người mua trả tiền trước	313	V.22	9.099.206.233	1.635.528.516
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.23	6.890.157.825	5.649.082.111
5. Phải trả người lao động	315	V.24	2.393.480.584	2.245.977.548
6. Chi phí phải trả	316	V.25	51.082.465.346	23.210.175.859
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.26	25.268.436.963	22.695.567.580
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.27	4.642.516.591	1.860.286.419
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		347.547.400	432.953.400
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.28	347.547.400	432.953.400
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		389.083.370.009	359.449.256.019
I. Vốn chủ sở hữu	410		389.083.370.009	359.449.256.019
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.29	230.000.000.000	230.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.29	38.000.000.000	38.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.29	14.821.035.600	12.251.480.349
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.29	106.262.334.409	79.197.775.670
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		763.889.152.753	623.874.289.128

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		275.696.339	275.696.339
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		43.819,85	133.794,85
Euro (EUR)		2,67	-
Dollar Singapore (SGD)		485,92	485,92
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2014

Phạm Thị Đẹp
Người lập biểu

Nguyễn Văn Tuấn
Kế toán trưởng

Trần Đức Huy
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.793.400.769.240	1.410.299.220.974
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	5.065.648.712	5.360.501.829
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.788.335.120.528	1.404.938.719.145
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.541.535.026.603	1.220.842.508.592
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		246.800.093.925	184.096.210.553
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.649.498.187	7.881.670.716
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.507.706.172	42.167.513.732
Trong đó: chi phí lãi vay	23		11.423.112.307	14.143.719.877
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	135.162.413.318	91.075.851.334
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	30.268.356.587	24.150.017.794
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		86.511.116.035	34.584.498.409
11. Thu nhập khác	31	VI.7	385.486.793	4.486.105.576
12. Chi phí khác	32	VI.8	84.784.028	141.797.742
13. Lợi nhuận khác	40		300.702.765	4.344.307.834
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		86.811.818.800	38.928.806.243
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.23	7.975.816.101	4.060.236.821
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.18	2.354.180.772	(2.034.585.955)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>76.481.821.927</u>	<u>36.903.155.377</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2014

Phạm Thị Đẹp
Người lập biểu

Nguyễn Văn Tuấn
Kế toán trưởng



Trần Đức Huy
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		86.811.818.800	38.928.806.243
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11,V.12	12.035.768.911	13.244.241.147
- Các khoản dự phòng	03	V.6,V.8,V.16	(6.203.076.251)	28.446.178.753
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	151.705	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3,VI.7,VI.8	(7.103.736.034)	(4.768.455.483)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	11.423.112.307	14.143.719.877
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		96.964.039.438	89.994.490.537
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(25.742.036.214)	46.993.799.959
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(72.476.746.939)	13.948.423.799
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		83.310.264.618	(36.528.428.714)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.441.687.168	664.374.714
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.25,VI.4	(11.428.921.298)	(14.308.980.222)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.23	(3.695.538.803)	(8.426.671.625)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.125.305.655	103.686.722
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(8.709.780.373)	(9.017.333.206)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		61.788.273.252	83.423.361.964
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11,V.12,V.13	(36.288.256.410)	(4.174.983.716)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	68.113.637	216.720.730
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(23.000.000.000)	(51.939.458.500)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		13.939.458.500	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	555.556	2.500.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(45.280.128.717)	(55.895.221.486)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.20	594.148.919.995	460.540.310.263
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.20	(576.255.440.749)	(435.393.632.559)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.29	(34.314.803.223)	(39.073.460.669)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.421.323.977)	(13.926.782.965)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		86.820.558	13.601.357.513
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	43.390.041.016	29.788.683.503
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(151.705)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	43.476.709.869	43.390.041.016

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2014

Phạm Thị Đẹp
Người lập biểu

Nguyễn Văn Tuấn
Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ - Xây dựng.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, trang trí nội thất, sản xuất và mua bán máy móc thiết bị ngành cơ khí (không sản xuất tại trụ sở).
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty có 671 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 552 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Chi phí tài chính giảm là do khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty con – Công ty cổ phần Hiệp Phú là nguyên nhân chủ yếu làm cho lợi nhuận năm nay tăng đáng kể so với năm trước.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 03 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TUỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08-20
Máy móc và thiết bị	03-08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-06

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,.... Trong đó:

- Quyền sử dụng đất tại số 86 Kinh Dương Vương, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.
- Quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Hiệp Phước được khấu hao theo thời hạn của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (43 năm).
- Quyền sử dụng đất tại Lô 48, Khu công nghiệp Quang Minh, Huyện Mê Linh, Tỉnh Vĩnh Phúc được xác định căn cứ theo giá thị trường và đã được các cổ đông thống nhất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (48 năm).

Nhãn hiệu hàng hóa

Nhãn hiệu hàng hóa là chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới việc mua nhãn hiệu hàng hóa. Nhãn hiệu hàng hóa được khấu hao 10 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 05 đến 10 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại được ghi nhận căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 22 tháng 4 năm 2006. Lợi thế thương mại được phân bổ trong 10 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa văn phòng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 36 tháng.

Chi phí thuê nhà

Chi phí thuê nhà lưu trú cho công nhân thực hiện công trình được phân bổ theo thời hạn của hợp đồng thuê nhà (23 năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc là $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) của tháng cuối cùng trong năm tài chính cho 01 năm làm việc và được hạch toán vào chi phí.

Tăng, giảm số dư quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	05%	10% vốn điều lệ
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hằng năm	Không có mức trích lập tối đa

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012 : 20.816 VND/USD
31/12/2013 : 21.077 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty chỉ gồm nhóm các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

21. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TUỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	4.975.703.783	11.919.958.998
Tiền gửi ngân hàng	38.474.454.086	31.071.345.018
Tiền đang chuyển	26.552.000	398.737.000
Cộng	43.476.709.869	43.390.041.016

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho Công ty cổ phần Hiệp Phú vay với lãi suất 10%/năm	58.000.000.000	51.939.458.500
Góp vốn hợp tác kinh doanh vào Công ty cổ phần giao nhận Vĩnh Tường	3.000.000.000	-
Cộng	61.000.000.000	51.939.458.500

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Trụ sở chính	130.216.685.581	122.028.590.132
Tại Chi nhánh Vĩnh Phúc	46.503.535.789	37.914.508.783
Cộng	176.720.221.370	159.943.098.915

Các khoản phải thu trị giá 4 triệu USD được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam).

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Trụ sở chính	5.974.268.693	1.685.539.497
Tại Chi nhánh Vĩnh Phúc	392.014.125	329.775.112
Cộng	6.366.282.818	2.015.314.609

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế nhập khẩu tạm nộp	4.412.049.173	2.997.691.915
Phải thu tiền chiết khấu hàng mua	10.305.512.468	6.108.335.217
Nguyễn Thành Hưng – tiền cho mượn	100.000.000	100.000.000
Ông Trần Đức Huy – tiền mua cổ phiếu của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường Miền Bắc	2.043.000.000	2.043.000.000
Ông Đặng Minh Phương – tiền mua cổ phần	227.000.000	-
Công ty cổ phần Hiệp Phú – tiền cho mượn	700.000.000	700.000.000
Công ty cổ phần Hiệp Phú – tiền lãi cho vay phải thu	11.753.348.439	4.653.579.258
Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường Miền Bắc – cho vay không tính lãi và chi hộ	1.562.190.712	4.321.374.462
Các khoản phải thu khác	703.298.269	360.780.261
Cộng	31.806.399.061	21.284.761.113

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 03 tháng đến dưới 01 năm	730.513.136	856.193.572
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	5.187.828.070	1.310.590.394
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	671.090.256	109.173.490
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	1.708.179.929	2.568.747.615
Cộng	8.297.611.391	4.844.705.071

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	4.844.705.071
Trích lập dự phòng bổ sung	3.452.906.320
Số cuối năm	<u>8.297.611.391</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	25.649.405.020	14.110.565.317
Nguyên liệu, vật liệu	155.640.227.925	103.367.786.893
Công cụ, dụng cụ	2.821.448.092	1.175.276.170
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.406.802.021	10.852.147.983
Thành phẩm	51.441.603.332	34.808.995.331
Hàng hóa	7.677.355.691	7.845.323.448
Cộng	<u>244.636.842.081</u>	<u>172.160.095.142</u>

Một số hàng hóa trong kho có giá trị 6 triệu USD đã được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam).

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	5.188.657.857	6.180.353.218
Thành phẩm	4.447.136.804	3.048.935.903
Cộng	<u>9.635.794.661</u>	<u>9.229.289.121</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	9.229.289.121
Trích lập dự phòng bổ sung	406.505.540
Số cuối năm	<u>9.635.794.661</u>

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo lãnh	-	928.625.000
Chi phí bảo trì, sửa chữa	5.616.477	-
Chi phí khác	39.837.555	11.782.993
Cộng	<u>45.454.032</u>	<u>940.407.993</u>

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	1.495.645.536	1.518.569.150
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	375.396.092	45.323.139
Tài sản thiếu chờ xử lý	53.787.711	95.482.335
Cộng	<u>1.924.829.339</u>	<u>1.659.374.624</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	35.785.475.358	50.128.010.003	12.731.867.114	2.474.147.917	101.119.500.392
Mua sắm mới	1.529.512.005	5.776.431.978	1.392.272.728	514.732.440	9.212.949.151
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.927.622.911	51.089.988	-	-	1.978.712.899
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(453.762.533)	(15.090.000)	(468.852.533)
Kết chuyển sang công cụ, dụng cụ	-	(1.700.185.375)	(27.713.001)	(1.691.203.827)	(3.419.102.203)
Số cuối năm	39.242.610.274	54.255.346.594	13.642.664.308	1.282.586.530	108.423.207.706

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	23.006.601.564	4.121.085.460	536.800.145	27.664.487.169
--	---	----------------	---------------	-------------	----------------

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	11.558.019.388	35.184.669.746	8.108.570.172	1.405.479.850	56.256.739.156
Khấu hao trong năm	2.055.540.182	5.888.233.177	1.555.738.244	410.214.653	9.909.726.256
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(398.701.033)	(5.449.159)	(404.150.192)
Kết chuyển sang công cụ, dụng cụ	-	(1.204.137.053)	(25.688.033)	(891.729.261)	(2.121.554.347)
Số cuối năm	13.613.559.570	39.868.765.870	9.239.919.350	918.516.083	63.640.760.873

Giá trị còn lại

Số đầu năm	24.227.455.970	14.943.340.257	4.623.296.942	1.068.668.067	44.862.761.236
Số cuối năm	25.629.050.704	14.386.580.724	4.402.744.958	364.070.447	44.782.446.833

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 211.750.000 VND và 47.643.775 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	19.177.722.157	16.000.000.000	651.189.112	35.828.911.269
Mua trong năm	-	-	1.611.841.104	1.611.841.104
Số cuối năm	19.177.722.157	16.000.000.000	2.263.030.216	37.440.752.373

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	260.500.000	260.500.000
--	---	---	-------------	-------------

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	2.449.910.037	10.799.999.973	412.334.015	13.662.244.025
Khấu hao trong năm	350.210.700	1.600.000.002	175.831.953	2.126.042.655
Số cuối năm	2.800.120.737	12.399.999.975	588.165.968	15.788.286.680

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	16.727.812.120	5.200.000.027	238.855.097	22.166.667.244
Số cuối năm	16.377.601.420	3.600.000.025	1.674.864.248	21.652.465.693
Trong đó:				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn theo giá trị sổ sách là 3.546.407.500 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay Ngân hàng.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	1.148.237.062	25.367.963.927	(1.382.396.000)	(693.463.739)	24.440.341.250
XDCB dở dang	2.754.245	2.174.116.212	(1.978.712.899)	(2.754.245)	195.403.313
Cộng	1.150.991.307	27.542.080.139	(3.361.108.899)	(696.217.984)	24.635.744.563

14. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần Hiệp Phú ⁽ⁱ⁾	9.450.000	94.500.000.000	9.450.000	94.500.000.000
Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường Miền Bắc ⁽ⁱⁱ⁾	2.043.000	20.430.000.000	2.043.000	20.430.000.000
VTJ Vinh Tuong PLC ⁽ⁱⁱⁱ⁾		20.192.010.000		20.192.010.000
Cộng		135.122.010.000		135.122.010.000

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1101288280 ngày 09 tháng 8 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 04 tháng 01 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Hiệp Phú 94.500.000.000 VND, tương đương 90% vốn điều lệ.
- (ii) Công ty nhận chuyển nhượng 90.000 cổ phần (mệnh giá 100.000 đ/cổ phần) tương đương 90% vốn điều lệ của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường Miền Bắc (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900251447 ngày 09 tháng 5 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 09 tháng 01 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp). Giá trị nhận chuyển nhượng là 20.430.000.000 VND.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 67/BKH - ĐTRNN ngày 24 tháng 9 năm 2007 và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh ngày 15 tháng 02 năm 2012 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào VTJ Vinh Tuong PLC 2.500.000 USD, tương đương 100% vốn điều lệ.

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 206/BKH - ĐTRNN ngày 09 tháng 12 năm 2008 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào VTJ (Singapore) Private Limited 160.000 USD, tương đương 40% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	18.341.519.899	27.322.298.487
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	93.410.372	1.175.119.895
Cộng	18.434.930.271	28.497.418.382

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	28.497.418.382
Hoàn nhập dự phòng	(10.062.488.111)
Số cuối năm	18.434.930.271

17. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công cụ, dụng cụ	651.335.119	2.159.954.419	(1.333.388.107)	1.477.901.431
Lợi thế thương mại (*)	846.330.068	-	(274.485.456)	571.844.612
Chi phí sửa chữa	876.365.258	231.927.421	(893.125.028)	215.167.651
Chi phí thuê nhà	544.132.564	651.698.243	(683.156.685)	512.674.122
Chi phí bảo hiểm	45.422.957	87.386.589	(80.628.897)	52.180.649
Chi phí khác	237.672.715	364.655.558	(480.023.408)	122.304.865
Cộng	3.201.258.681	3.495.622.230	(3.744.807.581)	2.952.073.330

(*) Khoản chênh lệch giữa giá trị nhận góp vốn với giá trị tài sản thuần (giá trị tài sản thuần đã được định giá lại bởi Công ty Tư vấn và Kiểm toán CA&A) của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường (Chi nhánh Vĩnh Phúc) tại thời điểm nhận sáp nhập Chi nhánh.

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Số đầu năm	2.354.180.772
Số hoàn nhập	(2.354.180.772)
Số cuối năm	-

19. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ, ký cược thuê văn phòng và cửa hàng.

20. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	142.697.956.522	128.055.264.901
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(a)	36.136.422.693	49.463.737.835
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hà Nội ^(a)	23.437.047.868	31.192.253.693
- Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) ^(b)	67.335.456.831	47.399.273.373
- Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng ^(c)	15.789.029.130	
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác ^(d)	2.200.000.000	2.600.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả ^(e)	3.822.443.625	171.656.000
Cộng	148.720.400.147	130.826.920.901

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TUỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (a) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại số 86 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh và tài sản gắn liền với đất; các khoản phải thu trị giá 2 triệu USD; hàng hóa trong kho trị giá 4 triệu USD; máy móc thiết bị trị giá 11 tỷ đồng và bảo lãnh cá nhân từ Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan trị giá 10 triệu USD.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán L/C và bảo lãnh trong nước. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa tại kho nhà máy Hưng Yên, thôn Vĩnh Bảo, xã Vĩnh Phúc trị giá 2 triệu USD; các khoản phải thu trị giá 2 triệu USD và bảo lãnh không hủy ngang và vô điều kiện từ Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan.
- (c) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Phú Mỹ Hưng để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán L/C và bảo lãnh trong nước.
- (d) Vay Bà Đoàn Thị Cẩm Nhung để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 10%/năm.
- (e) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên bảo lãnh thanh toán L/C và bảo lãnh trong nước. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa tại kho nhà máy Hưng Yên, thôn Vĩnh Bảo, xã Vĩnh Phúc trị giá 2 triệu USD; các khoản phải thu trị giá 2 triệu USD và bảo lãnh không hủy ngang và vô điều kiện từ Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	128.055.264.901	590.326.476.370	(575.683.784.749)	142.697.956.522
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	2.600.000.000	-	(400.000.000)	2.200.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	171.656.000	3.822.443.625	(171.656.000)	3.822.443.625
Cộng	130.826.920.901	594.148.919.995	(576.255.440.749)	148.720.400.147

21. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Trụ sở chính	102.828.078.626	69.998.701.294
Tại Chi nhánh Vĩnh Phúc	23.533.493.029	5.869.839.481
Cộng	126.361.571.655	75.868.540.775

22. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Trụ sở chính	8.748.965.669	1.249.536.324
Tại Chi nhánh Vĩnh Phúc	350.240.564	385.992.192
Cộng	9.099.206.233	1.635.528.516

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.212.926.240	5.572.017.254	(8.324.860.907)	460.082.587
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	16.600.751	6.844.835.014	(6.861.435.765)	-
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	18.745.422	5.367.659.009	(5.448.443.318)	(62.038.887)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.619.944.370	7.975.816.101	(3.695.538.803)	5.900.221.668
Thuế thu nhập cá nhân	780.865.328	2.928.792.029	(3.179.803.787)	529.853.570
Tiền thuê đất	-	170.704.580	(170.704.580)	-
Các loại thuế khác	-	41.346.449	(41.346.449)	-
Cộng	5.649.082.111	28.901.170.436	(27.722.133.609)	6.828.118.938

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103003964 ngày 24 tháng 10 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Trụ sở chính Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng với thuế suất thuế 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 588/CNUĐĐT ngày 04 tháng 3 năm 2005 do Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp, Chi nhánh Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng với thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	86.811.818.800	38.928.806.243
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	41.208.624.322	22.020.489.461
- Các khoản điều chỉnh giảm	(18.969.333.758)	(8.004.548.810)
Thu nhập chịu thuế	109.051.261.069	52.944.746.894
Trong đó:		
- Thu nhập được ưu đãi (thuế suất 15%)	106.858.099.861	52.433.999.443
- Thu nhập không được ưu đãi (thuế suất 25%)	2.193.161.208	510.747.451
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	16.577.005.281	7.992.786.779
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(8.014.357.489)	(3.932.549.958)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	(586.831.691)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	7.975.816.101	4.060.236.821

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

24. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 và tháng 13 còn phải trả nhân viên.

25. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	70.265.184	76.074.175
Chi phí các chương trình khuyến mại	18.049.169.498	9.327.361.518
Chi phí chiết khấu	25.206.678.012	8.635.465.333
Chi phí vận chuyển	205.672.894	2.057.347
Trích trước chi phí các công trình	7.081.489.014	3.499.908.999
Chi phí khác	469.190.744	1.669.308.487
Cộng	51.082.465.346	23.210.175.859

26. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết	93.631.517	106.143.807
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	448.889.888	341.161.054
Ông Đặng Minh Phương - tiền mượn	5.532.439.390	5.047.439.390
Cổ tức phải trả	18.885.928.400	16.400.731.623
Phải trả khác	307.547.768	800.091.706
Cộng	25.268.436.963	22.695.567.580

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	1.860.286.419
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	10.047.707.937
Chi quỹ	(7.265.477.765)
Số cuối năm	4.642.516.591

28. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	432.953.400
Số đã chi	(85.406.000)
Số cuối năm	347.547.400

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**29. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	230.000.000.000	38.000.000.000	8.961.419.045	85.402.939.074	362.364.358.119
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	36.903.155.377	36.903.155.377
Trích lập các quỹ	-	-	3.290.061.304	(10.908.318.781)	(7.618.257.477)
Chia cổ tức	-	-	-	(32.200.000.000)	(32.200.000.000)
Số dư cuối năm trước	230.000.000.000	38.000.000.000	12.251.480.349	79.197.775.670	359.449.256.019
Số dư đầu năm nay	230.000.000.000	38.000.000.000	12.251.480.349	79.197.775.670	359.449.256.019
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	76.481.821.927	76.481.821.927
Trích lập các quỹ	-	-	2.569.555.251	(12.617.263.188)	(10.047.707.937)
Chia cổ tức	-	-	-	(36.800.000.000)	(36.800.000.000)
Số dư cuối năm nay	230.000.000.000	38.000.000.000	14.821.035.600	106.262.334.409	389.083.370.009

Cổ tức

Cổ tức năm trước đã chi trả trong năm là 34.314.803.223 VND.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.000.000	23.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.000.000	23.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	23.000.000	23.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.000.000	23.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	23.000.000	23.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	1.793.400.769.240	1.410.299.220.974
- Doanh thu bán hàng hóa	904.077.177.782	699.197.276.401
- Doanh thu bán thành phẩm	855.473.054.967	689.252.614.874
- Doanh thu hoạt động xây dựng	33.850.536.491	21.849.329.699
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(5.065.648.712)	(5.360.501.829)
- Chiết khấu thương mại	(4.840.423.850)	(2.596.450.012)
- Giảm giá hàng bán	-	(2.741.581.982)
- Hàng bán bị trả lại	(225.224.862)	(22.469.835)
Doanh thu thuần	1.788.335.120.528	1.404.938.719.145
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	900.314.078.852	696.893.234.577
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	854.170.505.185	686.196.154.869
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	33.850.536.491	21.849.329.699

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã tiêu thụ	834.800.812.068	646.773.765.249
Giá vốn của thành phẩm đã tiêu thụ	672.586.376.686	552.112.400.471
Giá vốn của hoạt động xây dựng	33.712.731.523	21.605.094.758
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	435.106.326	351.248.114
Cộng	1.541.535.026.603	1.220.842.508.592

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	115.031.643	221.366.580
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	555.556	2.500.000
Lãi cho vay	7.099.769.182	4.653.579.258
Chiết khấu thanh toán	-	2.895.663.444
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	434.141.806	108.561.434
Cộng	7.649.498.187	7.881.670.716

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	11.423.112.307	14.143.719.877
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	254.508.826	331.638.717
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	151.705	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(10.062.488.111)	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	27.206.943.011
Chi phí khác	892.421.445	485.212.127
Cộng	2.507.706.172	42.167.513.732

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	29.052.636.914	22.447.345.838
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.049.697.860	861.055.251
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.966.692.832	2.706.437.700
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.374.516.696	40.750.735.368
Chi phí khác	31.718.869.016	24.310.277.177
Cộng	135.162.413.318	91.075.851.334

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	12.959.341.921	11.259.497.493
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	782.748.618	1.277.091.235
Chi phí khấu hao tài sản cố định	765.548.675	560.200.552
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.581.087.281	7.064.184.876
Chi phí khác	5.179.630.092	3.989.043.638
Cộng	30.268.356.587	24.150.017.794

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	68.113.637	216.720.730
Nhà cung cấp bồi thường hàng hỏng	-	39.781.986
Thu tiền hỗ trợ của nhà cung cấp	-	3.407.216.677
Các khoản khác	317.373.156	822.386.183
Cộng	385.486.793	4.486.105.576

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	64.702.341	104.344.505
Các khoản khác	20.081.687	37.453.237
Cộng	84.784.028	141.797.742

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của Chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TUƠNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Cam kết bảo lãnh

- Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có cam kết bảo đảm cho khoản vay của Công ty cổ phần Hiệp Phú tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) với số dư nợ gốc tối đa là 1.500.000 USD và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này.
- Ngoài ra, Công ty còn dùng hàng tồn kho, các khoản phải thu, tài sản cố định hữu hình là nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị và tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất tại 86 Kinh Dương Vương, phường 13, quận 6 thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty cổ phần Hiệp Phú tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với số dư nợ gốc tối đa là 1.250.000 USD và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này.
- Công ty cũng bảo đảm trả nợ cho khoản vay của VTJ Vinh Tuong PLC (bên được bảo lãnh) tại ANZ Royal Bank (Cambodia) theo Giấy cam kết bảo lãnh ngày 13 tháng 6 năm 2012. Công ty bảo lãnh toàn bộ số dư nợ gốc tối đa 600.000 USD.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Hội đồng quản trị</i>		
Lãi vay	-	390.833.333
Mượn tiền	2.790.000.000	38.997.189.000
<i>Ban điều hành</i>		
Mượn tiền	2.695.000.000	4.481.281.890

Ngoài ra, Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan – Chủ tịch HĐQT Công ty còn dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty như sau:

- Bảo lãnh cá nhân để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) với số dư nợ gốc tối đa là 10.000.000 USD và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này.
- Bảo lãnh không hủy ngang và vô điều kiện để đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban điều hành	2.270.000.000	2.043.000.000
Cộng nợ phải thu	2.270.000.000	2.043.000.000
Ban điều hành	5.532.439.390	5.047.439.390
Cộng nợ phải trả	5.532.439.390	5.047.439.390

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	3.448.902.820	5.640.563.404
Tiền thưởng	523.305.000	446.627.000
Cộng	3.972.207.820	6.087.190.404

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần Hiệp Phú	Công ty con
Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường Miền Bắc	Công ty con
VTJ Vinh Tuong PLC	Công ty con
VTJ (Singapore) Private Limited	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Vĩnh Tường	Công ty có liên quan (Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan – Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Tường là Chủ tịch HĐQT Công ty)
Công ty cổ phần giao nhận Vĩnh Tường	Công ty có liên quan (Giám đốc Công ty cổ phần giao nhận Vĩnh Tường là cá nhân có liên quan với Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan - Chủ tịch HĐQT Công ty)
Công ty TNHH Saint – Gobain Việt Nam	Công ty có liên quan (Giám đốc Công ty TNHH Saint – Gobain Việt Nam là Phó chủ tịch HĐQT Công ty)

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần Hiệp Phú		
Cho mượn tiền	-	700.000.000
Mua hàng	147.768.427.156	70.390.911.741
Bán hàng	49.389.184.239	20.251.425.774
Bán tài sản	33.654.000	-
Cho vay	20.000.000.000	51.939.458.500
Lãi cho vay	7.099.769.182	4.653.579.258
Công ty cổ phần giao nhận Vĩnh Tường		
Bán hàng hóa	7.308.450.456	323.971.783
Chi phí vận chuyển	6.930.455.005	1.251.351.273
Góp vốn hợp tác kinh doanh	3.000.000.000	-
Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường Miền Bắc		
Thuê nhà xưởng	2.106.000.000	2.743.065.000
Giao hàng gia công	9.498.649.000	5.685.915.000
Cho vay	8.020.000.000	7.170.000.000
Chi hộ	20.816.250	-
VTJ Vinh Tuong PLC		
Bán hàng	42.140.721.136	29.734.425.036
Chi hộ	-	12.367.000
VTJ (Singapore) Private Limited		
Bán hàng	17.307.391.497	16.048.137.540
Công ty cổ phần Vĩnh Tường		
Mua tài sản cố định	-	435.000.000
Mua hàng hóa	-	88.412.000
Bán hàng	1.993.810.967	7.009.955.618
Công ty TNHH Saint – Gobain Việt Nam		
Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	407.527.732.834	366.343.602.989
Nhận chiết khấu thanh toán	-	2.335.598.962

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Ngoài ra, Công ty còn nhận bảo lãnh cho các bên liên quan (xem thuyết minh VII.1).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Hiệp Phú		
Phải thu tiền hàng	7.857.939.190	22.093.483.131
Phải thu tiền cho vay	58.000.000.000	51.939.458.500
Lãi cho vay phải thu	11.753.348.439	4.653.579.258
Phải thu tiền cho mượn	700.000.000	700.000.000
Công ty cổ phần giao nhận Vĩnh Tường		
Phải thu tiền hàng	3.728.504.698	-
Phải thu tiền góp vốn hợp tác kinh doanh	3.000.000.000	-
Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường Miền Bắc		
Phải thu tiền cho vay và tiền chi hộ	1.562.190.712	4.321.374.462
Công ty liên doanh Vĩnh Tường Campuchia		
Phải thu tiền hàng	27.439.398.369	18.013.061.205
Phải thu khác	-	14.880.100
VTJ (Singapore) Private Limited		
Phải thu tiền hàng	12.278.679.515	14.460.610.098
Công ty cổ phần Vĩnh Tường		
Phải thu tiền hàng	849.338.034	849.338.034
Cộng nợ phải thu	127.169.398.957	117.045.784.788
Công ty cổ phần Hiệp Phú		
Phải trả tiền hàng	5.744.934.117	7.893.431.280
Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường Miền Bắc		
Phải trả tiền hàng	1.524.705.050	1.204.612.200
Công ty cổ phần giao nhận Vĩnh Tường		
Phải trả tiền chi phí vận chuyển	2.216.306.557	710.218.400
Công ty TNHH Saint - Gobain Việt Nam		
Phải trả tiền hàng	2.864.340.628	2.130.829.187
Phải trả khác	-	65.479.682
Cộng nợ phải trả	12.350.286.352	12.004.570.749

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Nam, khu vực miền Bắc và xuất khẩu ra nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty được thể hiện ở phụ lục đính kèm từ trang 41 đến trang 42.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.

4. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đi thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	4.204.532.870	2.617.453.670
Trên 01 năm đến 05 năm	6.858.585.478	3.025.619.478
Trên 05 năm	1.773.739.130	284.565.217
Cộng	<u>12.836.857.478</u>	<u>5.927.638.365</u>

Công ty thuê một số cửa hàng, chi nhánh và văn phòng dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ năm 2006 đến năm 2033 và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.

5. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho công ty con và công ty bên liên quan vay. Các đơn vị này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.476.709.869	-	-	-	43.476.709.869
Phải thu khách hàng	161.405.141.148	-	-	15.315.080.222	176.720.221.370
Các khoản cho vay	61.000.000.000	-	-	-	61.000.000.000
Các khoản phải thu khác	33.027.597.511	-	-	100.000.000	33.127.597.511
Cộng	298.909.448.528	-	-	15.415.080.222	314.324.528.750
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.390.041.016	-	-	-	43.390.041.016
Phải thu khách hàng	152.879.229.621	-	-	7.063.869.294	159.943.098.915
Các khoản cho vay	51.939.458.500	-	-	-	51.939.458.500
Các khoản phải thu khác	15.518.691.732	-	-	1.073.499.812	16.592.191.544
Cộng	263.727.420.869	-	-	8.137.369.106	271.864.789.975

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	148.790.665.331	-	-	148.790.665.331
Phải trả người bán	126.361.571.655	-	-	126.361.571.655
Các khoản phải trả khác	75.663.826.208	-	-	75.663.826.208
Cộng	350.816.063.194	-	-	350.816.063.194
Số đầu năm				
Vay và nợ	130.902.995.076	-	-	130.902.995.076
Phải trả người bán	75.868.540.775	-	-	75.868.540.775
Các khoản phải trả khác	32.966.990.071	-	-	32.966.990.071
Cộng	239.738.525.922	-	-	239.738.525.922

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm	
	USD	EUR	SGD	USD	SGD
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.819,85	2,67	485,92	133.794,85	485,92
Phải thu khách hàng	2.324.022,05	-	-	1.802.701,49	-
Phải trả người bán	(89,00)	(21.695,20)	-	-	-
Tài sản thuần có gốc ngoại tệ	2.367.752,90	(21.692,53)	485,92	1.936.496,34	485,92

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do tài sản thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay và nợ	(148.720.956.371)	(130.655.264.901)
Nợ phải trả thuần	(148.720.956.371)	(130.655.264.901)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm/tăng 2.974.419.127 VND (năm trước giảm/tăng 2.616.538.418 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của lãi suất năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp các khoản phải thu khách hàng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) (xem thuyết minh số V.3 và V.20). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 4.000.000 USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 4.000.000 USD).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TUỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính****Tài sản tài chính**

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.476.709.869	-	43.390.041.016	-	43.476.709.869	43.390.041.016
Phải thu khách hàng	176.720.221.370	(8.197.611.391)	159.943.098.915	(3.708.705.259)	168.522.609.979	156.234.393.656
Các khoản cho vay	61.000.000.000	-	51.939.458.500	-	61.000.000.000	51.939.458.500
Các khoản phải thu khác	33.127.597.511	(100.000.000)	16.592.191.544	(1.073.499.812)	33.027.597.511	15.518.691.732
Cộng	314.324.528.750	(8.297.611.391)	271.864.789.975	(4.782.205.071)	306.026.917.359	267.082.584.904

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	148.720.400.147	130.902.995.076	148.720.400.147	130.902.995.076
Phải trả người bán	126.361.571.655	75.868.540.775	126.361.571.655	75.868.540.775
Các khoản phải trả khác	75.734.091.392	32.966.990.071	75.734.091.392	32.966.990.071
Cộng	350.816.063.194	239.738.525.922	350.816.063.194	239.738.525.922

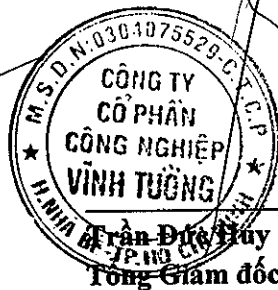
Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2014

Phạm Thị Đẹp
Người lập biểu

Nguyễn Văn Tuấn
Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VINH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý

Đơn vị tính: VND

Kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý:

Năm nay	Khu vực miền Nam		Khu vực miền Bắc		Khu vực xuất khẩu		Các khoản loại trừ		Cộng	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.069.527.917.073	612.074.553.987	106.732.649.468	-	-	1.788.335.120.528				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	129.005.911.535	10.683.658.765	-	(139.689.570.300)	-	-				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.198.533.828.608	622.758.212.752	106.732.649.468	(139.689.570.300)	1.788.335.120.528					
Chi phí bộ phận	1.052.394.244.573	523.883.420.216	104.030.042.292	(138.772.680.478)	1.541.535.026.603					
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	146.139.584.035	98.874.792.536	2.702.607.176	(916.889.822)	246.800.093.925					
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					165.430.769.905					
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					81.369.324.020					
Doanh thu hoạt động tài chính					7.649.498.187					
Chi phí tài chính					2.507.706.172					
Thu nhập khác					385.486.793					
Chi phí khác					84.784.028					
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	-					
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					7.982.644.031					
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					2.354.180.772					
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					76.474.993.997					

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VINH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý (tiếp theo)

Năm trước	Khu vực miền Nam	Khu vực miền Bắc	Khu vực xuất khẩu	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	889.878.860.110	447.765.682.559	67.294.176.476	-	1.404.938.719.145
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	71.123.270.512	-	-	(71.123.270.512)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	961.002.130.622	447.765.682.559	67.294.176.476	(71.123.270.512)	1.404.938.719.145
Chi phí bộ phận	849.090.647.070	375.146.290.759	67.728.841.275	(71.123.270.512)	1.220.842.508.592
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	111.911.483.552	72.619.391.800	(434.664.799)	-	184.096.210.553
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					115.225.869.128
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					68.870.341.425
Doanh thu hoạt động tài chính					7.881.670.716
Chi phí tài chính					42.167.513.732
Thu nhập khác					4.486.105.576
Chi phí khác					141.797.742
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					4.060.236.821
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(2.034.585.955)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					36.903.155.377

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2014

Phạm Thị Đẹp
Người lập biểu

Nguyễn Văn Tuấn
Kế toán trưởng

Trần Đức Huy
Tổng Giám đốc

